

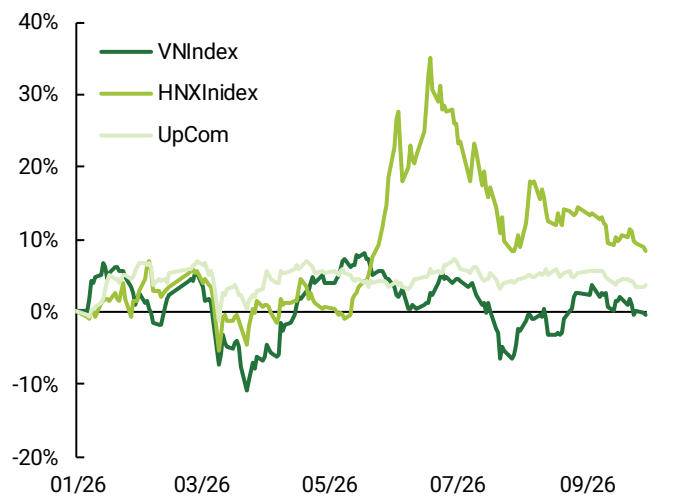
VN-Index **1777.73 (-0.17%)**
 577 Tr. cổ phiếu 12389.3 Tỷ VND (-18.28%)

HNX-Index **269.91 (-0.52%)**
 41 Tr. cổ phiếu 722.4 Tỷ VND (-12.40%)

UPCOM-Index **125.5 (0.43%)**
 31 Tr. cổ phiếu 499.3 Tỷ VND (11.00%)

VN30F1M **1920.00 (-0.18%)**
 205,025 HD OI: 35,933 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1777.7, giảm -3.0 điểm (-0.17%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Đà giảm cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Dòng tiền hoạt động tích cực ở nhóm cổ phiếu hàng hóa (dầu, cao su ...), đổi theo biến động giá hàng hóa thế giới, trong khi sức ép từ nhóm Vin, Ngân hàng đè nặng chỉ số.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VTO (+3.6%), PVP (+5.0%), PVT (+6.4%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (+1.7%), REE (+3.4%) | Tài nguyên Cơ bản: HSG (+1.9%), DHC (+3.1%) | Dịch vụ tài chính: TVS (+1.4%), HCM (+2.3%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: KOS (-6.9%), NVL (-6.8%), TAL (-4.2%) | Ngân hàng: LPB (-4.4%), STB (-1.8%), MBB (-1.0%) | Công nghệ Thông tin: FPT (-0.8%), ELC (-0.4%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | GVR, GAS, VHM, HVN, BID - Chiều giảm | VIC, LPB, STB, VCB, MBB
- Khối ngoại Bán ròng hơn 350 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VPB, HPG, ACB, trong khi mua ròng PVT, PLX, VIB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** đóng cửa với mẫu hình nến Spinning Top lưỡng lự, thanh khoản sụt giảm về mức thấp hàm ý dòng tiền vẫn thận trọng. Các chỉ báo động lượng cũng chưa có chuyển biến rõ ràng, cho thấy dao động tiếp tục mang tính kiểm định quanh khu vực MA50 ngày. Dòng tiền từ đó cũng trở nên phân hóa và luân chuyển nhanh, với điểm nhấn là nhóm cổ phiếu hàng hóa, trong khi sức ép từ các ngành chủ lực như Ngân hàng, Bất động sản là điểm cần lưu ý. Để xác nhận nhịp phục hồi, chỉ số cần vượt và củng cố được trên ngưỡng 1825 điểm. Chiều ngược lại, nếu đánh mất mốc 1770 điểm, áp lực giảm khả năng mở rộng về vùng 1700 - 1720 điểm.
- trở lại chi phối đẩy chỉ số về vùng tích lũy 270 - 275. Đà tăng được xác nhận khi chỉ số bứt phá được ngưỡng 280. Trái lại, nếu giá quay lại mất mốc 270, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 260 điểm.
- **Chiến lược:** Đối với tỷ trọng danh mục tổng thể, nếu chỉ số phá vỡ mốc 1770 điểm, nên chủ động hạ về mức trung bình. Chỉ cân nhắc gia tăng khi VN-Index trở lại vận động trên ngưỡng 1825 điểm. Đối với từng cổ phiếu, nên quản trị theo tín hiệu riêng. Hạ bớt vị thế ở các mã đã đánh mất các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, trong khi chỉ nên ưu tiên nắm giữ các mã vẫn còn giữ được cấu trúc xu hướng. Nhóm ngành nổi bật: Bán lẻ, Vận tải-Cảng, Hóa chất.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua GVR (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,777.7 ▼	-0.2%	-2.2%	-3.0%	12,389.3 ▼	-18.3%	-4.9%	-28.8%	577.1 ▼	-20.6%	6.7%	-10.6%						
HNX-Index	269.9 ▼	-0.5%	-2.5%	-5.2%	722.4 ▼	-12.4%	9.9%	-37.8%	41.5 ▼	-20.6%	-4.5%	-42.4%						
UPCOM-Index	125.5 ▬	0.4%	-0.5%	-1.6%	499.3 ▲	11.0%	20.8%	26.4%	31.1 ▲	52.0%	50.0%	-1.6%						
VN30	1,914.4 ▼	-0.4%	-2.6%	-3.5%	6,677.0 ▼	-16.9%	-1.7%	-40.5%	226.8 ▼	-17.3%	18.8%	-27.8%						
VNMID	1,851.9 ▼	-0.1%	-1.9%	-6.2%	4,608.4 ▼	-22.7%	-7.9%	-14.8%	249.9 ▼	-22.4%	-8.0%	-10.9%						
VNSML	1,237.5 ▬	0.4%	0.2%	-2.0%	883.6 ▼	-6.2%	-0.1%	71.0%	51.7 ▼	-29.0%	-11.4%	31.3%						
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	625.5 ▼	-0.5%	-1.23%	-2.7%	3,983.1 ▼	-15.1%	-23.8%	-10.6%	184.6 ▼	-15.2%	-21.4%	-6.3%						
Bất động sản	985.5 ▼	-0.6%	-4.1%	-3.7%	1,878.6 ▼	-17.2%	-21.6%	-30.3%	102.1 ▼	-4.5%	6.6%	24.7%						
Dịch vụ tài chính	261.7 ▬	0.2%	-3.6%	-10.1%	1,134.2 ▼	-47.9%	-27.5%	-30.5%	64.7 ▼	-47.9%	-28.2%	-30.5%						
Công nghiệp	239.8 ▬	0.6%	3.4%	3.6%	1,367.2 ▲	42.0%	8.1%	55.4%	48.0 ▲	18.0%	13.5%	42.7%						
Tài nguyên cơ bản	451.7 ▬	0.5%	-3.3%	-7.4%	524.8 ▼	-33.3%	-15.3%	8.1%	29.7 ▼	-30.3%	-12.5%	11.8%						
Xây dựng - Vật Liệu	153.1 ▬	0.1%	-0.5%	-3.0%	281.9 ▼	-28.1%	-26.1%	-13.7%	18.2 ▼	-30.0%	-21.3%	-11.7%						
Thực phẩm	487.4 ▬	0.1%	-2.1%	-3.1%	544.6 ▼	-28.6%	-41.6%	-35.6%	14.3 ▼	-36.2%	-40.2%	-34.3%						
Bán Lẻ	1,412.9 ▬	0.3%	1.3%	-2.0%	470.9 ▲	23.4%	-21.7%	-15.4%	7.0 ▲	17.6%	-24.2%	-19.8%						
Công nghệ	374.5 ▼	-0.8%	-4.9%	-5.2%	221.7 ▼	-45.2%	-36.9%	-54.8%	4.3 ▼	-40.5%	-37.4%	-48.6%						
Hóa chất	174.0 ▲	2.3%	2.9%	4.1%	385.8 ▼	-15.9%	-6.6%	8.1%	14.1 ▼	-23.7%	-12.3%	0.0%						
Tiện ích	775.1 ▲	1.1%	-0.6%	1.8%	333.5 ▲	1.7%	13.4%	23.8%	14.2 ▼	-21.8%	9.9%	27.1%						
Dầu khí	123.6 ▬	0.8%	2.5%	15.2%	752.0 ▼	-1.4%	-4.40%	14.5%	24.5 ▼	-14.9%	-14.3%	4.3%						
Dược phẩm	390.0 ▼	-0.1%	-0.5%	-0.7%	53.7 ▼	-42.9%	-33.5%	-32.4%	1.8 ▼	-32.5%	-22.3%	-39.0%						
Bảo hiểm	113.8 ▬	0.4%	5.1%	12.6%	83.8 ▼	-71.1%	-22.5%	45.3%	1.3 ▼	-71.1%	-23.8%	33.9%						

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,777.7 ▼	-0.17%	-0.4%	13.5x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,594 ▼	-0.50%	26.6%	15.1x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,122 ▼	-0.43%	-29.2%	13.5x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,265 ▼	-1.20%	-0.3%	14.8x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,738 ▼	-0.87%	-5.2%	8.6x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,830 ▬	0.18%	-3.5%	16.7x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,524 ▼	-0.48%	-4.3%	12.2x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,481 ▼	-0.60%	30.1%	20.8x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,684 ▼	-0.77%	12.2%	26.3x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	51,482 ▼	-0.67%	7.1%	22.5x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,706 ▬	0.20%	7.8%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,348 ▬	0.74%	9.6%	17.2x	2.5x
DXV		101.3 ▬	0.37%	3.1%		
USDVND		25,971 ▼	-0.004%	-1.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

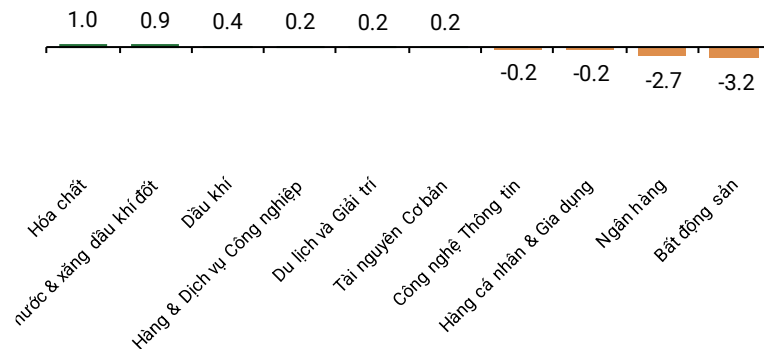
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.88%	15.7%	69.8%	52.0%
Dầu WTI	▼	-2.15%	8.6%	57.8%	42.8%
Khí gas	▲	2.3%	6.2%	-16.8%	-6.1%
Than cốc (*)	▬	0.0%	16.3%	48.6%	54.0%
Thép HRC (*)	▼	-0.1%	-1.4%	0.9%	-2.6%
PVC (*)	▬	0.3%	7.2%	4.4%	-2.0%
Phân Urea	▬	0.0%	8.6%	22.8%	18.1%
Cao su thiên nhiên	▼	-1.0%	4.0%	39.0%	44.6%
Bông Cotton	▬	0.0%	-12.1%	23.0%	25.4%
Đường	▲	1.4%	0.9%	18.0%	10.5%
World Container Index	▬	0.0%	-0.1%	101.9%	153.7%
Baltic Dirty tanker Index	▲	1.2%	95.6%	311.8%	374.8%
Vàng	▬	0.94%	-6.7%	-3.8%	8.4%
Bạc	▬	0.30%	-8.4%	-15.1%	29.6%

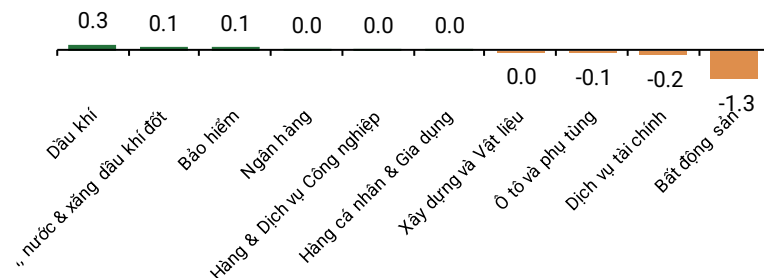
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.18 (VBB)	-0.20 (FPT)
+0.19 (VIB)	-0.22 (PNJ)
+0.20 (VPX)	-0.26 (VPL)
+0.20 (REE)	-0.37 (TCB)
+0.23 (PLX)	-0.37 (NVL)
+0.24 (BID)	-0.42 (MBB)
+0.39 (HVN)	-0.52 (VCB)
+0.51 (VHM)	-0.55 (STB)
+0.70 (GAS)	-1.24 (LPB)
+0.92 (GVR)	-3.07 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.02 (NET)	-0.03 (HGM)
+0.02 (NBW)	-0.03 (TKU)
+0.02 (IDC)	-0.03 (CEO)
+0.03 (HTC)	-0.04 (VIF)
+0.04 (VIT)	-0.05 (SHS)
+0.08 (PGS)	-0.06 (HUT)
+0.09 (KSV)	-0.12 (MBS)
+0.11 (PVI)	-0.17 (NVB)
+0.20 (BAB)	-0.54 (THD)
+0.25 (PVS)	-0.74 (KSF)

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

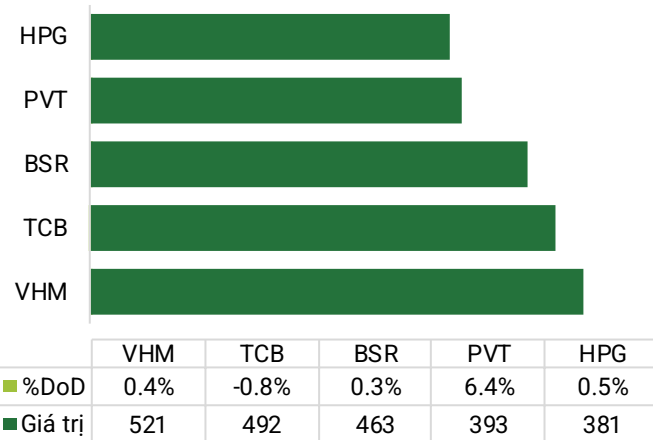
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+12 (VND)	-26 (TCB)
+14 (FRT)	-31 (PNJ)
+14 (KDH)	-34 (STB)
+17 (VIX)	-36 (CTG)
+19 (GEX)	-40 (VCB)
+21 (GAS)	-41 (VHM)
+21 (BVH)	-50 (VIC)
+28 (VIB)	-51 (ACB)
+35 (PLX)	-52 (HPG)
+61 (PVT)	-249 (VPB)

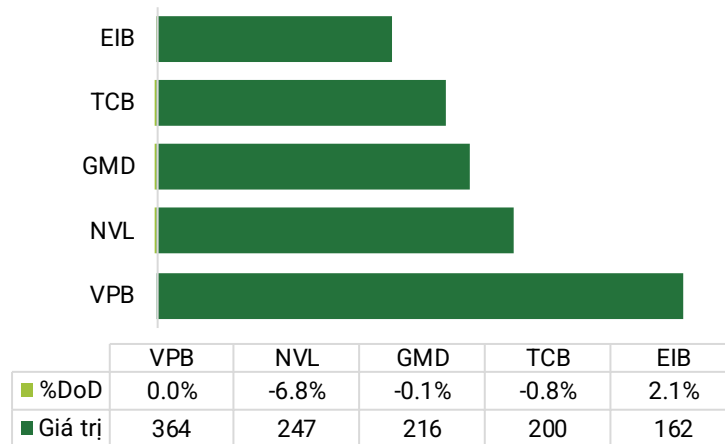
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.0 (IVS)	-0.1 (MST)
+0.0 (C69)	-0.1 (TNG)
+0.0 (L14)	-0.1 (VTC)
+0.1 (SHS)	-0.1 (MAS)
+0.2 (VC3)	-0.2 (KSF)
+0.3 (VFS)	-0.3 (NVB)
+0.8 (NTP)	-0.4 (BVS)
+1.1 (PVI)	-0.4 (MBS)
+6.0 (IDC)	-0.6 (HUT)
+25.3 (PVS)	-11.6 (CEO)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

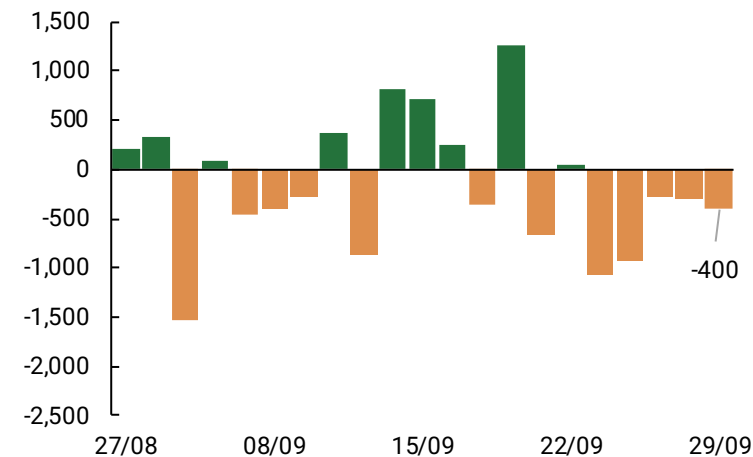


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

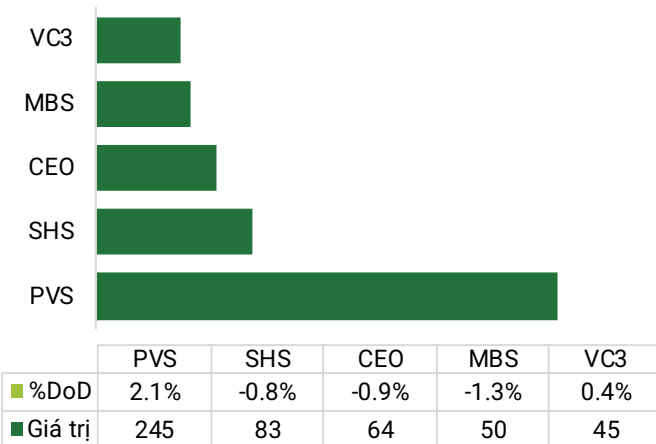


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

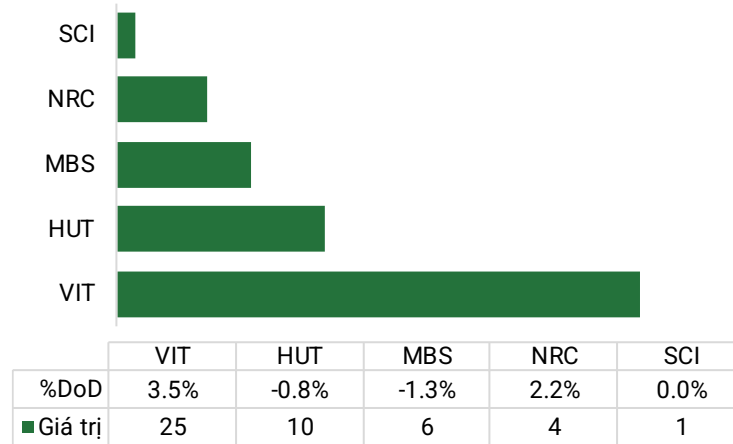
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



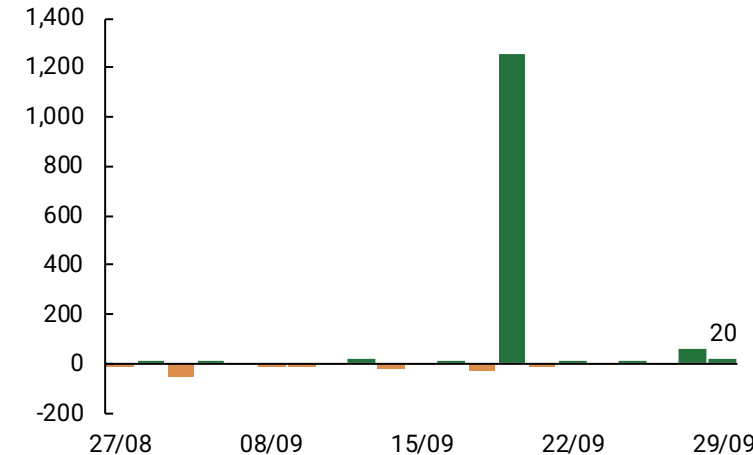
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Spinning Top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1770.
- ✓ Kháng cự: 1825 | 1880.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Giá tiếp tục giằng co quanh khu vực MA50 ngày, thanh khoản sụt giảm hàm ý dòng tiền vẫn thận trọng. Kháng cự gần hiện quanh vùng 1800 – 1820 điểm. Đà tăng có độ tin cậy cao hơn khi chỉ số vượt được ngưỡng 1825 điểm. Chiều ngược lại, ngưỡng 1770 điểm tiếp tục là hỗ trợ quan trọng, nếu bị phá vỡ, đà giảm khả năng mở rộng về vùng 1700 – 1720 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning Top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1860 | 1920
- ✓ Kháng cự: 1980 | 2050.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1920 nhưng thanh khoản ở mức thấp chưa xác nhận cho áp lực bán. Nếu phiên sau giá không thể lấy lại ngưỡng này, đà giảm sẽ xác nhận và mở rộng về khu vực 1860 điểm. Trường hợp giá trở lại vận động trên ngưỡng 1920, phản ứng giằng co kiểm định quanh ngưỡng MA50 ngày sẽ tiếp diễn.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	GVR	BUY	Current price		33.30	P/E (x)	21.2
Exchange	HOSE		Action price	30/09	32.7 - 33.3	P/B (x)	2.3
Sector	Commodity Chemicals		Target price		36.5	EPS	1572.3
			Cut loss		31	ROE	11.0%
						Stock Rating	A
						Scale Market Cap	Large



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt khu vực MA10 ngày.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền cải thiện.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu cùng với RSI cũng tăng trên trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Khu vực 32 đã kiểm định giữ vai trò hỗ trợ mạnh.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và giá khả năng tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	GVR	Mua	30/09/2026	33.3	32.7 - 33.3	-	36.5	10.6%	31	-6.1%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VTO	Mua	28/09/2026	-	11.45	10.7 - 10.8	6.5%	11.8	9.8%	10.2	-5.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1920, giảm 3.5 điểm (-0.2%). Giá chịu áp lực điều chỉnh trong phần lớn thời gian giao dịch.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD thu hẹp với đường signal nhưng vẫn nằm dưới miền âm, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chi phối. Tuy nhiên, khu vực 1920 tiếp tục cho thấy phản ứng kiểm định tốt với mẫu hình nến Doji, có thể xuất hiện nhịp hồi kỹ thuật. Vị thế Long cân nhắc khi giá trở lại vận động trên ngưỡng 1928. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1917.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1817.5, giảm 4.6 điểm (-0.3%). Độ lệch basis 3.8 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 41 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1810 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1830 điểm.

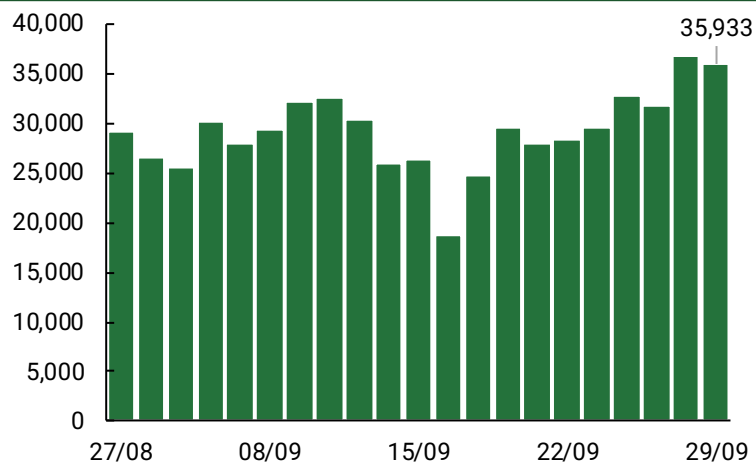
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1928	1944	1920	16 : 8
Short	< 1917	1902	1925	15 : 8

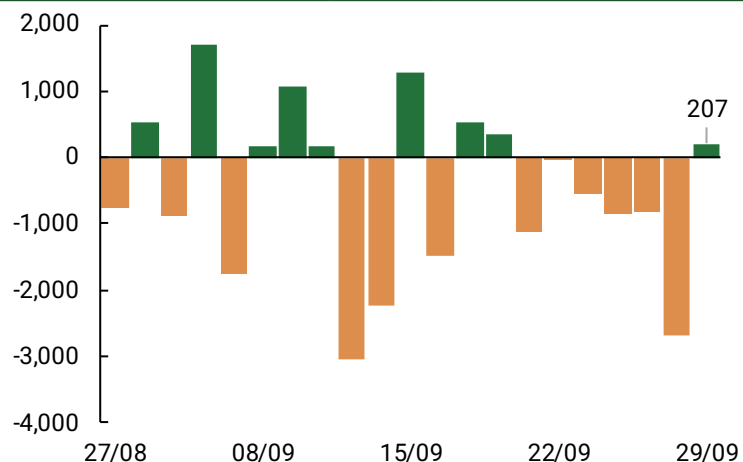
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,915.1	-4.4	47	317	1,930.2	-15.1	18/03/2027	170
4111GC000	1,923.5	4.0	51	733	1,921.7	1.8	17/12/2026	79
4111GB000	1,917.7	-1.3	404	836	1,919.1	-1.4	19/11/2026	51
4111GA000	1,920.0	-3.5	205,025	35,933	1,915.8	4.2	15/10/2026	16
4112GA000	1,817.5	-4.6	41	132	1,815.1	2.4	15/10/2026	16

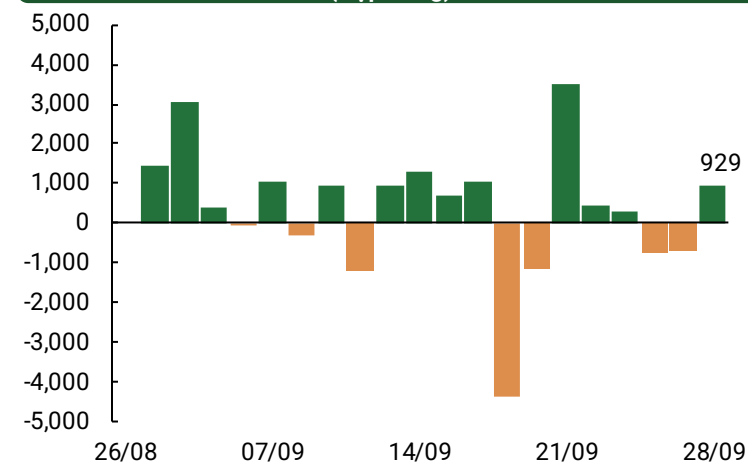
Khối lượng mở (Open interest)



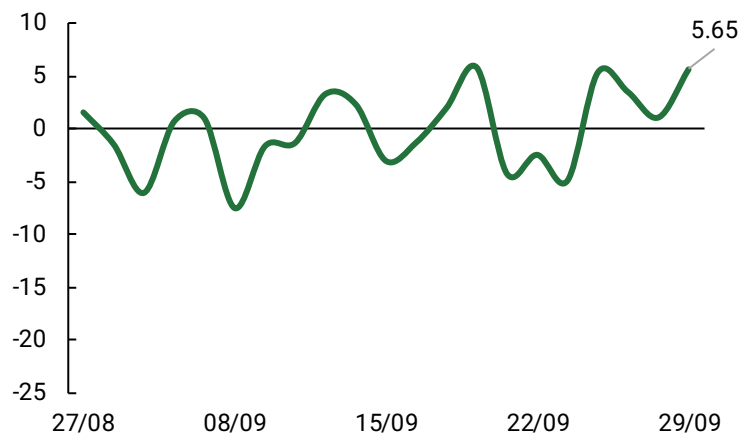
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



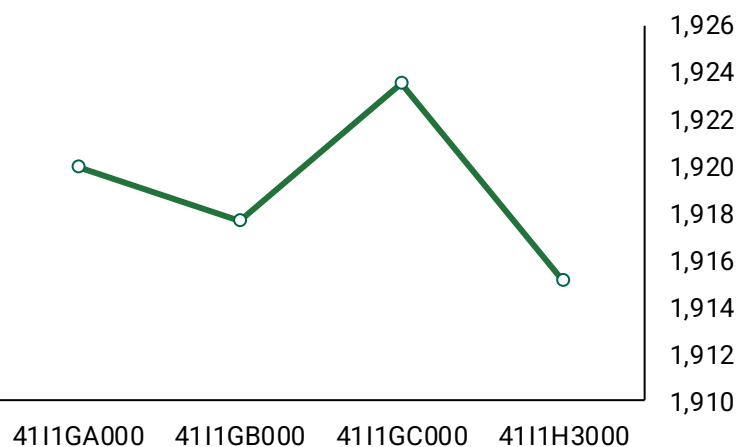
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



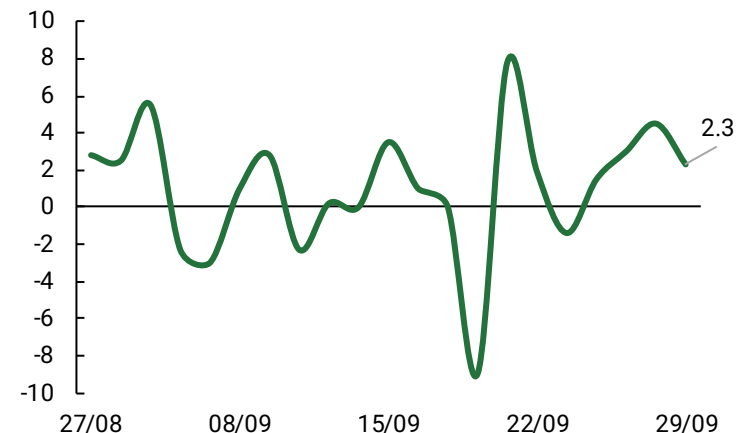
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/09	Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
03/09	Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
04/09	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/09	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10 – 11/09	Mỹ – Chỉ số PPI, CPI EU – ECB công bố lãi suất
12/09	Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
15/09	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
17/09	Mỹ – Fed công bố lãi suất Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
21/09	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
24/09	Thượng đỉnh Mỹ - Trung Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
30/09	Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

Mỹ - Iran nổi lại tiếp xúc, bàn ngừng bắn và mở lại Hormuz: Ngày 28/9, quan chức Mỹ và Iran tiến hành các cuộc trao đổi riêng thông qua bên trung gian nhằm tìm cách chấm dứt cuộc chiến kéo dài 7 tháng. Đề xuất của Iran gồm ngừng các hành động thù địch, giải phóng tài sản bị phong tỏa, dỡ bỏ trừng phạt dầu mỏ và chấm dứt phong tỏa các cảng Iran. Đổi lại, Tehran sẽ cho phép mở lại eo biển Hormuz và nối lại đàm phán về chương trình hạt nhân.

Cân nhắc miễn thuế TNDN 3 năm cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Tại Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, các đại biểu thảo luận đề xuất miễn thuế trong 3 năm đầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Một số ý kiến đề nghị thời gian miễn thuế nên tính từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế thay vì từ khi thành lập, đồng thời cần ngăn việc chia tách hoặc lập doanh nghiệp mới để tiếp tục hưởng ưu đãi. Bộ Tài chính cho biết sẽ tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách.

Hà Nội giải ngân đầu tư công đạt 82.7% kế hoạch Thủ tướng giao: Đến ngày 21/9, Hà Nội đã giải ngân khoảng 99,100 tỷ đồng vốn đầu tư công, tương đương 82.7% kế hoạch Thủ tướng giao và 61% dự toán thành phố giao. Nguồn vốn đang tập trung vào các dự án giao thông trọng điểm như đường sắt đô thị, các cầu qua sông Hồng và Vành đai 4. Thành phố tiếp tục tháo gỡ vướng mắc giải phóng mặt bằng và thủ tục để tăng tốc trong những tháng cuối năm.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

NVB/NCB - Được chấp thuận tăng vốn thêm 33,000 tỷ đồng: NHNN chấp thuận cho NCB tăng vốn điều lệ thêm tối đa 33,000 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Ngân hàng dự kiến phát hành 3.3 tỷ cổ phiếu với giá 10,000 đồng/cp, qua đó nâng vốn điều lệ lên gần 62,280 tỷ đồng, tăng 112.7% so với hiện tại.

GMD - Phát hành hơn 216 triệu cổ phiếu thưởng: Gemadept sẽ chốt danh sách cổ đông ngày 8/10/2026 để phát hành hơn 216.4 triệu cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 2:1. Sau phát hành, vốn điều lệ GMD dự kiến tăng từ gần 4,329 tỷ đồng lên gần 6,493.4 tỷ đồng. Nửa đầu năm 2026, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu thuần gần 3,214 tỷ đồng, tăng 16% YoY; lãi ròng hơn 1,938.6 tỷ đồng, tăng 71.3%.

HAG - Rót gần 800 tỷ đồng vào dự án cà phê: HAGL đã sử dụng gần 791.8 tỷ đồng từ lô trái phiếu 2,000 tỷ đồng để đầu tư vào các dự án cà phê tại Gia Lai và Campuchia. Doanh nghiệp đặt mục tiêu mở rộng diện tích cà phê lên 20,000 ha tại Việt Nam, Lào và Campuchia vào năm 2028, với tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2026–2028 khoảng 14,220 tỷ đồng.

FPT - Phân phối hơn 171 triệu cổ phiếu thưởng: FPT đã hoàn tất phân phối hơn 171.4 triệu cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho 181,748 cổ đông. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026, FPT ghi nhận doanh thu 35,408 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 7,648 tỷ đồng, tăng lần lượt 13.5% và 17.5% so với cùng kỳ.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	32,500	31,150	-4.2%	Giảm tỷ trọng
CTG	29,750	40,700	36.8%	Mua
CTD	59,700	82,900	38.9%	Mua
DBD	46,200	66,000	42.9%	Mua
DDV	16,362	35,900	119.4%	Mua
DGW	45,800	47,500	3.7%	Nắm giữ
DPG	27,500	42,300	53.8%	Mua
DPR	38,750	46,500	20.0%	Tăng tỷ trọng
DRI	15,724	17,200	9.4%	Nắm giữ
EVF	11,500	14,400	25.2%	Mua
FRT	142,000	151,000	6.3%	Nắm giữ
GMD	77,200	88,900	15.2%	Tăng tỷ trọng
HAH	52,900	58,300	10.2%	Tăng tỷ trọng
HDG	15,400	30,900	100.6%	Mua
HHV	9,070	11,700	29.0%	Mua
HPG	20,300	31,600	55.7%	Mua
IMP	36,800	54,400	47.8%	Mua
KDH	15,350	38,800	152.8%	Mua
MCH	138,000	148,500	7.6%	Nắm giữ
MWG	71,900	115,600	60.8%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	19,600	27,500	40.3%	Mua
NLG	21,650	39,400	82.0%	Mua
NT2	21,100	27,700	31.3%	Mua
PHR	32,700	39,500	20.8%	Mua
PNJ	28,600	75,500	164.0%	Mua
PVS	34,100	33,250	-2.5%	Giảm tỷ trọng
PVT	24,950	26,000	4.2%	Nắm giữ
POW	12,700	17,500	37.8%	Mua
SAB	43,050	54,900	27.5%	Mua
SSI	20,150	31,200	54.8%	Mua
TLG	52,600	50,000	-4.9%	Giảm tỷ trọng
TCB	32,600	41,700	27.9%	Mua
TCM	15,600	35,300	126.3%	Mua
TRC	23,800	22,950	-3.6%	Giảm tỷ trọng
VCB	58,000	79,700	37.4%	Mua
VPB	22,950	28,960	26.2%	Mua
VCG	13,650	23,300	70.7%	Mua
VHC	48,250	58,000	20.2%	Mua
VNM	60,300	66,650	10.5%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801